TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1016/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 708/2026/TLST-VHNGĐ ngày 15/5/2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Anh Trương Anh T, sinh ngày 03/7/1994; số CCCD: 001094007240; ĐKHKTT và nơi ở: Tổ B M, Tổ dân phố I, phường H, thành phố Hà Nội

- Chị Nguyễn Phương T1, sinh ngày 11/02/1996; số CCCD: 001196011201; ĐKHKTT và nơi ở: Tổ B M, Tổ dân phố I, phường H, thành phố Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Anh T và chị Nguyễn Phương T1 đăng ký kết hôn vào ngày 23/12/2017 tại Ủy ban nhân dân phường M, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội) trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc (Giấy Chứng nhận kết hôn số 133/2017 ngày 23/12/2017 của Ủy ban nhân dân phường M, quận H, thành phố Hà Nội). Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung; vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ ngày 31/3/2024 do bất đồng quan điểm. Hiện nay, do bất đồng quan điểm kéo dài, mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn mặc dù vợ chồng đã tìm nhiều cách để khắc phục mâu thuẫn; gia đình hai bên cũng giúp vợ chồng hòa giải nhưng không thể hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh, chị đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do vậy, theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình thì việc anh Trương Anh T và chị Nguyễn Phương T1 thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2]. Về con chung: Anh Trương Anh T và chị Nguyễn Phương T1 có 01 con chung là Trương Quốc B, sinh ngày 20/5/2021. Hai bên thống nhất:

+ Chị Nguyễn Phương T1 nuôi con chung Trương Quốc B, sinh ngày 20/5/2021, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

+ Về cấp dưỡng cho con chung: Chị Nguyễn Phương T1 tự nguyện tạm thời không yêu cầu anh Trương Anh T đóng góp tiền cấp dưỡng cho con chung Trương Quốc B, sinh ngày 20/5/2021, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

+ Anh Trương Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung:

+ Tài sản chung: Anh Trương Anh T và chị Nguyễn Phương T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Anh Trương Anh T và chị Nguyễn Phương T1 khai vợ chồng không có nợ chung với ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Anh T tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

Xét thấy các nội dung thỏa thuận nêu trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trương Anh T và chị Nguyễn Phương T1.

- Về con chung:

+ Chị Nguyễn Phương T1 nuôi con chung Trương Quốc B, sinh ngày 20/5/2021, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

+ Về cấp dưỡng cho con chung: Chị Nguyễn Phương T1 tự nguyện tạm thời không yêu cầu anh Trương Anh T đóng góp tiền cấp dưỡng cho con chung Trương Quốc B, sinh ngày 20/5/2021, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

+ Anh Trương Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Tài sản chung: Anh Trương Anh T và chị Nguyễn Phương T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Anh Trương Anh T và chị Nguyễn Phương T1 khai vợ chồng không có nợ chung với ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Anh T tự nguyện nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình, được trừ số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án: Ký hiệu: BLTU/26E, số 00011661 ngày 14/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân phường Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ việc hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Ánh